

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý; quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến; quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;*

*Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-BTP ngày 22/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-BTP ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý; quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến; quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

*(Có danh mục, quy trình các thủ tục hành chính chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Ngay sau khi nhận được Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Sở Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước nêu tại Điều 1 Quyết định này.

1.2. Công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo Quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết nêu tại Điều 1 Quyết định này.

1.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính nêu trên theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Công khai trên Trang thông tin điện tử của huyện, thành phố đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước nêu tại Điều 1 Quyết định này.

2.2. Công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết nêu tại Điều 1 Quyết định này.

2.3. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trực thuộc thực hiện việc công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết nêu tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính lĩnh vực trợ giúp pháp lý nêu trên đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định trước đây.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- UBND huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- PTHCBKS (đ/c Nhung, Mai);
- Lưu: VT, THCBKS.H.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Sơn**

**Phụ lục I: Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa
1	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý (2.000829.000.00.00.H60)	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, địa chỉ: Số 06 đường Chiến Thắng Sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý ( <i>Danh sách và địa chỉ tổ chức được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <a href="http://tuphaptuyenquan.gov.vn">tuphaptuyenquan.gov.vn</a></i> )	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.	x	
2	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý (2.001680.000.00.00.H60)	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, địa chỉ: Số 06 đường Chiến Thắng Sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý ( <i>Danh sách và địa chỉ tổ chức được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <a href="http://tuphaptuyenquan.gov.vn">tuphaptuyenquan.gov.vn</a></i> )	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thực hiện tại bộ phận Một cửa
3	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý (2.001687.000.00.00.H60)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, địa chỉ: Số 06 đường Chiến Thắng Sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý ( <i>Danh sách và địa chỉ tổ chức được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: taphaptuyenquang.gov.vn</i> )	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</li> <li>- Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;</li> <li>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.</li> </ul>	x	

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ,  
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 quy trình nội bộ)**

*Quy trình số 01/TGPL*

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (2.000829.000.00.00.H60)**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, trả lời về việc hồ sơ đủ điều kiện thụ lý hoặc hồ sơ phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan; trường hợp người yêu cầu chưa thể cung cấp đầy đủ hồ sơ nhưng cần thực hiện trợ giúp pháp lý ngay do vụ việc sắp hết thời hiệu khởi kiện (còn dưới 05 ngày làm việc), sắp đến ngày xét xử (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử còn dưới 05 ngày làm việc), cơ quan tiến hành tố tụng chuyển yêu cầu trợ giúp pháp lý cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc để tránh gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý thì người tiếp nhận yêu cầu báo cáo người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và thụ lý ngay, đồng thời hướng dẫn người yêu cầu trợ giúp pháp lý bổ sung các giấy tờ, tài liệu cần thiết.	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước/Tổ chức hành nghề luật sư/Tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
Bước 2	Vào Sổ thụ lý, theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ	Phòng Nghiệp vụ Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước/Tổ chức hành nghề luật sư/Tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
<b>02 bước</b>		<b>Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ</b>	

*Quy trình số 02/TGPL*

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC RÚT YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC  
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (2.001680.000.00.00.H60)**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước
Bước 2	Nghiên cứu, xem xét, thẩm định hồ sơ, soạn thảo Văn bản trả lời người được trợ giúp pháp lý về việc không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ	Phòng Nghiệp vụ Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước
Bước 3	Ký duyệt Văn bản trả lời người được trợ giúp pháp lý về việc không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi xem xét hồ sơ	Lãnh đạo Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước
Bước 4	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả	Ngay sau khi ký duyệt hồ sơ	Văn thư
<b>04 bước</b>		<b>Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ</b>	

*Quy trình số 03/TGPL*

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC THAY ĐỔI NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (2.001687.000.00.00.H60)**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc	- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
Bước 2	Nghiên cứu, xem xét, thẩm định hồ sơ, soạn thảo Văn bản thông báo nêu rõ lý do thay đổi người trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý và cử người khác thực hiện trợ giúp pháp lý	1,5 ngày làm việc	- Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước; - Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
Bước 3	Ký duyệt Văn bản thông báo cho người được trợ giúp pháp lý về việc cử người khác thực hiện trợ giúp pháp lý	01 ngày làm việc	Lãnh đạo Trung tâm/Người đứng đầu tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
Bước 4	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả	0,25 ngày làm việc	Văn thư
<b>04 bước</b>		<b>03 ngày làm việc</b>	



## Phụ lục II: Lĩnh vực Hộ tịch

**QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:  
ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

---

### 1. Phạm vi áp dụng

- Quy trình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC): Đăng ký kết hôn (ĐKKH), xác nhận tình trạng hôn nhân (XNTTHN) áp dụng đối với trường hợp người có yêu cầu là công dân Việt Nam thực hiện thủ tục ĐKKH tại Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

- Người có yêu cầu thực hiện TTHC: ĐKKH, XNTTHN nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ([www.dichvucong.gov.vn](http://www.dichvucong.gov.vn)) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang ([www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn](http://www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn))

### 2. Trình tự thực hiện

#### Bước 1. Nộp, tiếp nhận hồ sơ

- Người có yêu cầu truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia/ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống.

- Người có yêu cầu lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục ĐKKH, thực hiện quy trình nộp hồ sơ: ĐKKH, XNTTHN trực tuyến.

Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục ĐKKH theo quy định tại khoản 1 Điều 17 (UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ), khoản 1 Điều 37 Luật Hộ tịch (UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam).

- Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKH, XNTTHN (có mẫu kèm theo); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.

**Bước 2.** Sau khi người có yêu cầu hoàn tất việc nộp hồ sơ trên hệ thống, cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.

2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ để công chức làm công tác hộ tịch xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h00 mà không thể giải quyết ngày thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;

2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1;

2.3. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND gửi thông báo từ chối giải quyết qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu.

### **Bước 3. Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ**

3.1. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3;

3.2. Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu.

#### **3.3. Quy trình xử lý hồ sơ**

- Đối với trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi công dân thường trú, công chức làm công tác hộ tịch tự kiểm tra, xác minh thông tin về TTHN của công dân.

Trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu ĐKKH không thường trú tại UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ ĐKKH (bao gồm cả trường hợp ĐKKH có yếu tố nước ngoài tại UBND cấp huyện), công chức làm công tác hộ tịch sử dụng chức năng trên Hệ thống kiểm tra TTHN của công dân (nếu CSDLHTĐT có đủ thông tin của công dân), trường hợp không kiểm tra được TTHN của công dân thì bóc tách hồ sơ XNTTHN chuyển tới UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận TTHN.

Công chức tư pháp, hộ tịch của UBND cấp có thẩm quyền xác nhận TTHN có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống, kiểm tra, xác minh thông tin TTHN của công dân, hoàn tất thủ tục XNTTHN, chuyển trả kết quả là thông tin về GXNTTHN (ký số), TTHN của người có yêu cầu cho UBND nơi tiếp nhận hồ sơ ĐKKH.

- Sau khi nhận được kết quả phản hồi về TTHN, trường hợp hai bên nam nữ đủ điều kiện kết hôn, công chức làm công tác hộ tịch hoàn tất quy trình ĐKKH, ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin ĐKKH trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung và chuyển sang Bước 4.

**Bước 4.** Công chức làm công tác hộ tịch in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân.

**Bước 5.** Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân (*hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng*) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ ĐKKH, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

#### **4. Thành phần hồ sơ**

- Biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKH, XNTTHN.

- Người có yêu cầu tải lên bản chụp các giấy tờ sau:

+ Giấy tờ hợp lệ để chứng minh người có yêu cầu đủ điều kiện kết hôn;

*Đối với kết hôn có yếu tố nước ngoài:*

\* Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

\* Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó.

\* Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu.

\* Công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải nộp bản sao trích lục hộ tịch về việc đã ghi vào sổ việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật (Trích lục ghi chú ly hôn);

\* Công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang phải nộp văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó;

\* Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp.

+ Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điện tử động thì không phải tải lên;

+ Giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Trường hợp thông tin về nơi cư trú đã có trong CSDLQGVC, được điện tử động thì không phải tải lên.

#### **5. Thời hạn giải quyết**

- Đối với hồ sơ ĐKKH thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 15 ngày.

- Đối với hồ sơ ĐKKH thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã

Ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

- Đối với hồ sơ xác nhận TTHN: Trong ngày làm việc.

**6. Lệ phí:** Theo mức thu lệ phí quy định tại mục 6 khoản 1, mục 3 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

\* *Miễn lệ phí ĐKKH:* Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Miễn lệ phí cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định; đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (*nếu có yêu cầu*) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

Trường hợp người yêu cầu chưa nộp được lệ phí, phí thông qua chức năng thanh toán trên Cổng dịch vụ công thì nộp tại Cơ quan đăng ký hộ tịch khi đến nhận kết quả.

## 7. Điều kiện

- Việc nộp hồ sơ ĐKKH, XNTTHN trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh chỉ được thực hiện với điều kiện Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông dữ liệu với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.

- Công dân có yêu cầu giải quyết TTHC ĐKKH, XNTTHN trực tuyến có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo quy định của Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

## 8. Căn cứ pháp lý

- Luật Hộ tịch năm 2014;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;
- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC  
ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN**

**I. Thông tin về bên nữ có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân**

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (10) Kết hôn lần thứ mấy;
- (11) Tình trạng hôn nhân;
- (12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:
  - Có
  - Không
- (13) Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân:

**II. Thông tin bên nam có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân**

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (10) Kết hôn lần thứ mấy;
- (11) Tình trạng hôn nhân;
- (12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:
  - Có
  - Không
- (13) Đề nghị cấp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn:
  - Có  
Số lượng bản sao yêu cầu: ...
  - Không
- (14) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

\* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

\* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân là nơi người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú, trường hợp ĐKKH tại nơi thường trú thì không cần xác nhận tình trạng hôn nhân.

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

*Lưu ý: Người có yêu cầu đăng ký kết hôn chỉ cần khai thông tin về họ, chữ đệm, tên; Số định danh cá nhân, các thông tin còn lại sẽ tự động điều vào biểu mẫu điện tử tương tác.*

**QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 quy trình)**

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ (01 quy trình)**

*Quy trình số 01/ĐKKH, XNTTHN*

**QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

**(Trường hợp không phải chuyển UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân)**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 1	<p>Người có yêu cầu truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="http://www.dichvucong.gov.vn">www.dichvucong.gov.vn</a>)/Cổng dịch vụ công tỉnh (<a href="http://www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn">www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>), đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống.</p> <p>- Người có yêu cầu lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn_ thực hiện quy trình nộp hồ sơ: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến.</p> <p>- Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân(theo mẫu); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>	Không tính thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện
Bước 2	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ để công chức Phòng Tư pháp xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ</p>	1,5 ngày	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực Tư pháp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả



Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
	<p>sau 15 giờ mà không thể giải quyết ngay thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1;</p> <p>2.3. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND cấp huyện gửi thông báo từ chối giải quyết qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu.</p>		kết quả UBND cấp huyện
Bước 3	<p>3.1. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3;</p> <p>3.2. Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu.</p> <p>3.3. Quy trình xử lý hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại nơi công dân thường trú, công chức phòng Tư pháp tự kiểm tra, xác minh thông tin về tình trạng hôn nhân của công dân (nếu Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử có đủ thông tin của công dân).</li> <li>- Trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại nơi nộp hồ sơ đăng ký kết hôn, công chức phòng tư pháp sử dụng chức năng trên Hệ thống kiểm tra tình trạng hôn nhân của công dân (nếu Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử có đủ thông tin của công dân).</li> </ul>	10 ngày	Phòng Tư pháp

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 4	In Giấy chứng nhận kết hôn, duyệt và trình Lãnh đạo UBND cấp huyện ký	2,5 ngày	Phòng Tư pháp
Bước 5	Chuyển Giấy chứng nhận kết hôn tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho công dân	01 ngày	Công chức phòng Tư pháp
Bước 6	Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân ( <i>hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng</i> ) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ đăng ký kết hôn, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.	Không tính thời gian	Công chức phòng Tư pháp
<b>06 bước</b>		<b>15 ngày</b>	

## II. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG (01 quy trình)

*Quy trình số 01/ĐKKH, XNTTHN*

### QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN TẠI UBND CẤP HUYỆN (Trường hợp phải chuyển UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân)

Thứ tự các bước (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có yêu cầu truy cập Công dịch vụ công quốc gia (<a href="http://www.dichvucong.gov.vn">www.dichvucong.gov.vn</a>)/Công dịch vụ công tỉnh (<a href="http://www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn">www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>), đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống.</li> <li>- Người có yêu cầu lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn thực hiện quy trình nộp hồ sơ: đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến.</li> <li>- Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân (theo mẫu); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không tính thời gian	Không tính thời gian	

Thứ tự các bước (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 2	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ đề công chức phòng Tư pháp xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không thể giải quyết ngay thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	02 ngày	02 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện
Bước 3	Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3.	Công chức Phòng Tư pháp	1,5 ngày	07 ngày	UBND cấp huyện
Bước 4	Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu.	Công chức Phòng Tư pháp	1,5 ngày		

Bước 5	Trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại nơi nộp hồ sơ đăng ký kết hôn, công chức phòng tư pháp không kiểm tra được tình trạng hôn nhân của công dân trên Hệ thống kiểm tra tình trạng hôn nhân của công dân, công chức Phòng Tư pháp tách hồ sơ xác nhận tình trạng hôn nhân, soạn thảo văn bản đề nghị UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân	Công chức Phòng Tư pháp	02 ngày		
Bước 6	Ký văn bản đề nghị UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	02 ngày		
Bước 7	Công chức tư pháp, hộ tịch của UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống, kiểm tra, xác minh thông tin tình trạng hôn nhân của công dân, hoàn tất thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân, chuyển trả kết quả là thông tin về Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (ký số), tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu cho UBND cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn.	Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã	Trong ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu và hồ sơ hợp lệ	Trong ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu và hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã nơi thường trú trước của công dân
Bước 8	Tiếp nhận kết quả phản hồi về tình trạng hôn nhân của UBND cấp xã nơi thường trú trước của công dân, trường hợp đủ điều kiện kết hôn, công chức phòng tư pháp hoàn tất quy trình đăng ký kết hôn, ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.	Công chức Phòng Tư pháp	02 ngày	05 ngày	UBND cấp huyện
Bước 9	In Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện ký	Phòng Tư pháp	02 ngày		
Bước 10	Chuyển Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả cho công dân	Công chức Phòng Tư pháp	01 ngày		

Bước 11	Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân ( <i>hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng</i> ) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ đăng ký kết hôn, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.	Công chức Phòng Tư pháp	Không tính thời gian	Không tính thời gian	
<b>11 bước</b>			<b>15 ngày</b>		

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 quy trình)**  
**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ (01 quy trình)**

*Quy trình số 01/ĐKKH, XNTTHN*

**QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN  
 TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ  
 (Trường hợp không phải chuyển UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân)**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 1	<p>Người có yêu cầu truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="http://www.dichvucong.gov.vn">www.dichvucong.gov.vn</a>)/Cổng dịch vụ công tỉnh (<a href="http://www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn">www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>), đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống.</p> <p>- Người có yêu cầu lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn thực hiện quy trình nộp hồ sơ: đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến.</p> <p>- Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân (theo mẫu); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>	Không tính thời gian	
Bước 2	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp- hộ tịch xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không thể giải quyết ngay thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử</p>	02 giờ làm việc	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực Tư pháp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
	<p>hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1;</p> <p>2.3. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND cấp xã gửi thông báo từ chối giải quyết qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu.</p>		
Bước 3	<p>3.1. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3;</p> <p>3.2. Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu.</p> <p>3.3. Quy trình xử lý hồ sơ</p> <p>- Đối với trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại nơi công dân thường trú, Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã tự kiểm tra, xác minh thông tin về tình trạng hôn nhân của công dân.</p> <p>Trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại nơi nộp hồ sơ đăng ký kết hôn, Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã sử dụng chức năng trên Hệ thống kiểm tra tình trạng hôn nhân của công dân (<i>nếu Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử có đủ thông tin của công dân</i>).</p>	02 giờ làm việc	Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã
Bước 4	In Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký	03 giờ làm việc	Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã



Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 5	Chuyển Giấy chứng nhận kết hôn tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả cho công dân	01 giờ làm việc	Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã
Bước 6	Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân ( <i>hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng</i> ) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ đăng ký kết hôn, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.	Không tính thời gian	Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã
06 bước		<b>Ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</b>	

## II. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG (01 quy trình)

*Quy trình số 01/ĐKKH, XNTTHN*

### QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN TRỰC TUYẾN TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (Trường hợp phải chuyển UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân)

Thứ tự các bước (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có yêu cầu truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="http://www.dichvucong.gov.vn">www.dichvucong.gov.vn</a>)/Cổng dịch vụ công tỉnh (<a href="http://www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn">www.dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a>), đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống.</li> <li>- Người có yêu cầu lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn thực hiện quy trình nộp hồ sơ: đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến.</li> <li>- Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử trong tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân (theo mẫu); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian	

<p>Bước 2</p>	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ để công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không thể giải quyết ngay thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>2.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 2.1;</p> <p>2.3. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND cấp xã gửi thông báo từ chối giải quyết qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>04 giờ làm việc</p>	<p>0,5 ngày làm việc</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>
<p>Bước 3</p>	<p>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại bước 2.2 hoặc 2.3</p>	<p>Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã</p>	<p>02 giờ làm việc</p>	<p>1,5 ngày làm việc</p>	<p>UBND cấp xã</p>

Bước 4	Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu.	Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã	03 giờ làm việc		
Bước 5	Trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại nơi nộp hồ sơ đăng ký kết hôn, Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã không kiểm tra được tình trạng hôn nhân của công dân trên Hệ thống kiểm tra tình trạng hôn nhân của công dân, Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã tách hồ sơ xác nhận tình trạng hôn nhân, soạn thảo văn bản đề nghị UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân	Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã	03 giờ làm việc		
Bước 6	Ký văn bản đề nghị UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân	Lãnh đạo UBND cấp xã	04 giờ làm việc		
Bước 7	Công chức tư pháp, hộ tịch của UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận tình trạng hôn nhân tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống, kiểm tra, xác minh thông tin tình trạng hôn nhân của công dân, hoàn tất thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân, chuyển trả kết quả là thông tin về Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (ký số), tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu cho UBND cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn.	Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã	Trong ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu và hồ sơ hợp lệ	Trong ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu và hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã nơi thường trú trước đây của công dân
Bước 8	Tiếp nhận kết quả phản hồi về tình trạng hôn nhân của UBND cấp xã nơi thường trú trước của công dân, trường hợp đủ điều kiện kết hôn, Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã hoàn tất quy trình đăng ký kết hôn, ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.	Công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã	06 giờ làm việc	02 ngày làm việc	UBND cấp xã

Bước 9	In Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký	Công chức Tư pháp-hộ tịch cấp xã	01 ngày làm việc		
Bước 10	Chuyển Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả cho công dân	Công chức Tư pháp-hộ tịch cấp xã	02 giờ làm việc		
Bước 11	Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân ( <i>hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng</i> ) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ đăng ký kết hôn, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.	Công chức Tư pháp-hộ tịch cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian	
<b>11 bước</b>			<b>05 ngày làm việc</b>		